

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀI ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

*Hoài Đức, ngày tháng 11 năm 2022*

(Dự thảo)

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã **Đức Thượng**, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội**

Căn cứ Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 226/HD-SNN, 227/HD-SNN ngày 18/10/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội về phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 7353/QĐ-UBND ngày 05/11/2022 của UBND huyện Hoài Đức về việc kiện toàn Hội đồng thẩm tra xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu huyện Hoài Đức giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của UBND xã Đức Thượng tại Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 16/11/2022 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Đức Thượng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể, thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đức Thượng, UBND huyện Hoài Đức báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2022 xã Đức Thượng, cụ thể như sau:

### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 17/11/2022 đến ngày 18/11/2022).

#### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 của xã Đức Thượng gồm:

+ Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 16/11/2022 của UBND xã Đức Thượng về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Đức Thượng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

+ Biên bản họp ngày 15/11/2022 của UBND xã Đức Thượng về đề nghị xét, công nhận xã Đức Thượng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

+ Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 14/11/2022 của UBND xã Đức Thượng về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 của xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Báo cáo số 111/BC-UBND ngày 12/11/2022 của UBND xã Đức Thượng tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Báo cáo số 108/BC-UBND ngày 10/11/2022 của UBND xã Đức Thượng tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao (tính đến ngày 30/9/2022) trên địa bàn xã Đức Thượng.

+ Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Đức Thượng.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Căn cứ Chương trình 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về “*Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025*”. Huyện ủy Hoài Đức đã chỉ đạo ban hành Chương trình số 10-CTr/HU ngày 20/7/2021 về “*Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân trên địa bàn huyện Hoài Đức giai đoạn 2021-2025*”.

UBND huyện xây dựng và ban hành các Kế hoạch gồm: Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 08/12/2021 của UBND huyện Hoài Đức về thực hiện Chương trình 04-CTr/TU của Thành ủy về “*Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025*”; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 03/3/2022 của UBND huyện Hoài Đức về “*thực hiện hoàn thành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao năm 2022, gắn với thực hiện hoàn thành các tiêu chí xã thành phường, huyện thành quận theo Đề án xây dựng huyện Hoài Đức thành quận*”.

Hàng quý, UBND huyện đã tổ chức các hội nghị giao ban tiến độ thực hiện xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu với UBND các xã được giao

nhệm vụ, các phòng, ban ngành của huyện để kịp thời tháo gỡ khó khăn, chỉ đạo các đơn vị thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

### **3. Xã Đức Thượng đã được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2014.**

Bằng công nhận xã Đức Thượng đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 02/2/2015 của UBND Thành phố Hà Nội công nhận xã Đức Thượng đạt chuẩn Nông thôn mới.

### **4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí tại xã nông thôn mới nâng cao.**

Tổng số điểm 19 tiêu chí đạt được là: **98/100** điểm. Kết quả đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí cụ thể như sau:

#### **4.1. Tiêu chí số 1- Quy hoạch**

##### **a. Yêu cầu tiêu chí:**

*1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

*1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.*

*1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên*

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Ngày 27/02/2012, UBND huyện Hoài Đức đã ban hành Quyết định số 369/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án xây dựng xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2011 và quy hoạch phân khu đô thị S2, được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 theo đó xã Đức Thượng nằm trọn trong vùng quy hoạch phát triển đô thị của Thành phố.

Do vậy giai đoạn 2016-2020 xã Đức Thượng không phải rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 5/5 điểm.

#### **4.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí**

2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh): 100%.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản.

+ Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm: 100%.

+ Có hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh ...) đảm bảo xanh - sạch - đẹp: 100%.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh-sạch - đẹp: 100%.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 100%.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh): 100%.

100% các tuyến đường trục xã, liên xã chiều dài 3,4 km được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, được bảo trì hàng năm, đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải và có đủ biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc và cây xanh.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản:

100% các tuyến đường trục thôn, liên thôn với tổng chiều dài 13.9 km được bê tông hóa, nhựa hóa toàn bộ theo chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT; được bảo trì hàng năm và có đủ các hạng mục cần thiết theo quy định.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh-sạch - đẹp: 100%:

100% các tuyến đường ngõ xóm với tổng chiều dài 20,7 km được đầu tư xây dựng bê tông hóa đảm bảo việc đi lại của nhân dân.

100% hệ thống rãnh thoát nước được đầu tư cải tạo, đảm bảo tiêu thoát nước, rãnh được đậy nắp đảm bảo chịu lực, vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 100%:

Là xã nằm trong quy hoạch phân khu của thành phố, do vậy đường trục chính nội đồng không được đầu tư xây mới. Hàng năm có kế hoạch cải tạo, nâng cấp đảm bảo phục vụ sản xuất trong khi nhà nước chưa thu hồi.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 8/8 điểm.

### **4.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

#### **a) Yêu cầu tiêu chí:**

3.1. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động:  $\geq 90\%$ .

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả bền vững: đạt.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiếp kiệm nước:  $\geq 30\%$ .

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: đạt.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải vào công trình thủy lợi: đạt.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: khá.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

3.1. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động:  $\geq 90\%$ :

100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã (221,76 ha) nằm trong lưu vực phục vụ của Xí nghiệp ĐTPT thủy lợi Đan Hoài, do vậy việc tưới, tiêu do Xí nghiệp ĐTPT thủy lợi Đan Hoài đảm nhiệm (tưới, tiêu chủ động).

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả bền vững:

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đức Thượng được tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012, trong đó có dịch vụ thủy lợi, do vậy HTX được coi là tổ chức thủy lợi, hàng năm hoạt động hiệu quả.

UBND xã đã tổ chức chấm điểm hoạt động của Tổ chức thủy lợi theo 05 tiêu chí gồm: (1) Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước; (2) Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi; (3) Quản lý tài chính; (4) Thực hiện đa dịch vụ; (5) Mức độ hài lòng của thành viên. Kết Quả chấm điểm theo Hướng dẫn tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt 75 điểm.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiếp kiệm nước:  $\geq 30\%$ :

Xã Đức Thượng không nằm trong vùng sản xuất chuyên canh của Thành phố, huyện; sản xuất hiện nay chủ yếu là cây 2 vụ lúa do vậy không áp dụng phương pháp tưới tiết kiệm.

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm:

Các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đều được bảo trì hàng năm phục vụ sản xuất nông nghiệp của nhân dân.

*3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải vào công trình thủy lợi:*

UBND xã đã thực hiện kiểm kê nguồn xả thải vào công trình thủy lợi để kiểm tra, giám sát nguồn xả thải.

*3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:*

Hàng năm UBND xã Đức Thượng đã chủ động kiện toàn BCH phòng chống thiên tai và TKCN của xã trong quý I và ban hành đầy đủ các văn bản phục vụ công tác phòng chống thiên tai theo đúng hướng dẫn của UBND huyện. Tổ chức hội nghị tổng kết công tác phòng chống thiên tai và TKCN năm trước - Triển khai kế hoạch nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và TKCN năm sau ngay sau khi UBND huyện tổ chức hội nghị triển khai.

Trên cơ sở vật tư, nhân lực do BCH phòng chống thiên tai và TKCN huyện giao, UBND, BCH phòng chống thiên tai và TKCN của xã đã hợp đồng đầy đủ vật tư; lập danh sách lực lượng được huy động làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai; định kỳ rà soát, bổ sung đảm bảo đầy đủ quan số, vật tư sẵn sàng huy động làm nhiệm vụ. Khi có tình huống thiên tai, UBND xã đã chủ động vật tư, lực lượng, phối hợp với BCH phòng chống thiên tai của huyện, Xí nghiệp ĐTPT thủy lợi Đan Hoài chủ động khắc phục ngay khi có sự cố do vậy đã giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 4/4 điểm.

#### **4.4. Tiêu chí số 4- Điện**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí:**

*4.1. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.*

*4.2. Xây dựng kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện hàng năm.*

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

*4.1. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định:*

Toàn xã có 14 trạm biến áp, tổng công suất 10.210KVA. Đường trung áp, đường dây hạ thế đều là dây bọc đảm bảo an toàn. Có kế hoạch duy tu, bảo trì hàng năm. Toàn xã có 4.025/4.025 hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ nguồn điện lưới Quốc gia, đạt tỷ lệ 100% tổng số hộ.

Trong vòng 02 năm trở lại không xảy ra vụ việc mất an toàn về điện.

#### 4.2. Xây dựng kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện hàng năm:

Hàng năm 02 đơn vị quản lý điện đều xây dựng kế hoạch và thực hiện bảo trì, nâng cấp để đảm bảo an toàn lưới điện trong mọi tình huống.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 4/4 điểm.

#### 4.5. Tiêu chí 5-Giáo dục

##### a) Yêu cầu tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ 100% các trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở) trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên (trong đó có 1 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2)

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

##### b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ 100% các trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở) trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên (trong đó có 1 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2).

Tính đến nay cả 03 cấp học của xã đều đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Trong đó trường Mầm Non mới được xây mới với diện tích 15.000 m<sup>2</sup> đảm bảo nhu cầu dạy và học. Hiện Trường Mầm Non đang phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia mức 2 vào tháng 12/2022.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

UBND xã đã duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (Quyết định số:6714/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND huyện Hoài Đức về việc công nhận kết quả công tác phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ năm 2021).

*5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3:*

Xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3 (Quyết định số:6714/QĐ-UBND ngày08/12/2021 của UBND huyện Hoài Đức về việc công nhận kết quả công tác phổ cập giao dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ năm 2021).

*5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2:*

Xã đã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2(Quyệt định số:6714/QĐ-UBND ngày08/12/2021 của UBND huyện Hoài Đức về việc công nhận kết quả công tác phổ cập giao dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ năm 2021).

*5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt:*

Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt(Quyệt định số 8237/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Hoài Đức về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” các xã, thị trấn năm 2021).

*5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.*

100% số trường học trên địa bàn xã có nhà giáo dục thể chất, nhà trường đã xây dựng mô hình giáo dục thể chất cho học sinh nhằm giúp học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền nâng cao sức khỏe cho học sinh.

Về cơ sở vật chất: Hàng năm các nhà trường đều rà soát, bổ sung quy chế quản lý, sử dụng trang thiết bị dạy và học; xây dựng kế hoạch duy tu, bảo trì, nâng cấp bảo đảm sử dụng hiệu quả các công trình trường học đã được đầu tư.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 6/6 điểm.

**4.6. Tiêu chí 6- Cơ sở vật chất văn hóa**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**

*6.1.Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.*

*6.2.Di sản văn hoá được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.*

*6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.*

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**



*6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng;*

Xã có Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã và Khu thể thao đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Quy mô xây dựng, trang thiết bị, và kinh phí hoạt động đảm bảo theo quy định hiện hành.

Có 7/8 thôn trên địa bàn xã có Nhà văn hóa- Sân thể thao có kế hoạch tu bổ, cải tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa- văn nghệ, thể dục-thể thao của cộng đồng; có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng phục vụ nhân dân. Thôn Phố Thú Y tạm thời đang sinh hoạt cộng đồng tại hội trường và sân thể thao của Khu tập thể xí nghiệp thú y trung ương.

Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên tại các thôn và sâu rộng trong mọi lứa tuổi.

Có 01 điểm thư viện diện tích khoảng 40m<sup>2</sup> với tổng số trên 2.000 đầu sách đảm bảo hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho nhân dân trên địa bàn tối thiểu đạt 3.000 lượt/năm trở lên.

*6.2. Di sản văn hoá được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định:*

Thực hiện kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các công trình di tích, UBND xã đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng và có kế hoạch duy tu, nâng cấp các công trình cơ sở vật chất văn hóa đã đầu tư để đảm bảo sử dụng hiệu quả.

Các loại hình di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn được quan tâm gìn giữ, bảo tồn, được kiểm kê, ghi danh và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. Không để xảy ra tình trạng xâm hại hoặc các hoạt động gây ảnh hưởng đến giá trị di sản của địa phương.

*6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:*

Hàng năm, phối hợp cùng Ủy ban MTTQ xã làm tốt công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, thi đua xây dựng Thôn văn hóa - Gia đình văn hóa. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” hàng năm đều đạt trên 90%; năm 2021 có 92,2% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, xã có 8/8 thôn đạt “Thôn văn hóa”, đạt tỷ lệ 100%. Xã Đức Thượng đạt danh hiệu xã “Văn hóa trong xây dựng nông thôn mới”.

*c) Đánh giá:* Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá, 5/5 điểm.

**4.7. Tiêu chí 7- Hạ tầng thương mại nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí:** Áp dụng đối với trường hợp 1 - xã có chợ nông thôn

7.1. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại điều 4, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 chợ kinh doanh thực phẩm.

7.2. Có kế hoạch và triển khai nâng cấp, cải tạo chợ hàng năm của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm sử dụng hiệu quả các chợ đã được đầu tư.

7.3. Không có chợ cóc, tụ điểm kinh doanh tự phát trái phép lấn chiếm lòng đường, vỉa hè.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

7.1. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại điều 4, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 chợ kinh doanh thực phẩm

Trên địa bàn xã có 01 Chợ Đức Thượng đảm bảo an toàn thực phẩm với 160 hộ kinh doanh thường xuyên hàng ngày tại chợ đảm bảo đáp ứng nhu cầu dân sinh. Chợ Đức Thượng có đầy đủ các hạng mục phụ trợ cần thiết, có ban quản lý riêng. Có kế hoạch và triển khai nâng cấp, cải tạo chợ hàng năm đảm bảo phục vụ tốt nhất cho việc thông thương hàng ngày.

Ngoài chợ nông thôn là nơi cung cấp, giao thương các mặt hàng nông lâm, thủy sản thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân trong xã và các địa bàn lân cận, trên địa bàn xã còn có 01 siêu thị mini và 40 cửa hàng tiện ích, đại lý kinh doanh, buôn bán các mặt hàng nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ đời sống của nhân dân trong xã.

7.2. Có kế hoạch và triển khai nâng cấp, cải tạo chợ hàng năm của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm sử dụng hiệu quả các chợ đã được đầu tư:

Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch nâng cấp, cải tạo chợ và thường xuyên thực hiện kiểm tra các hạng mục công trình để bảo đảm sử dụng hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của chợ nông thôn.

7.3. Không có chợ cóc, tụ điểm kinh doanh tự phát trái phép lấn chiếm lòng đường, vỉa hè:

Do có 01 chợ nông thôn, 1 siêu thị mini và nhiều cửa hàng tiện ích đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong xã nên trên địa bàn xã không có chợ cóc, tụ điểm kinh doanh hoạt động kinh doanh trái phép. Hoạt động của các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng tiện ích luôn được UBND

xã kiểm tra nhắc nhở, BCD 197 của xã đã định kỳ kiểm tra việc chấp hành các quy định về đỗ xe, bày hàng hóa của các cửa hàng để kịp thời nhắc nhở không để lấn chiếm vỉa hè, lòng đường.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 4/4 điểm.

#### **4.8. Tiêu chí 8- Thông tin và truyền thông**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí**

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng, ...).

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:

Xã Đức Thượng có 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Điểm phục vụ bưu chính hiện nay đảm bảo cơ sở vật chất nhằm cung cấp tốt các dịch vụ của bưu chính.

Hệ thống truyền thanh xã được nâng cấp năm 2018, hoạt động có hiệu quả đảm bảo nhiệm vụ thông tin tuyên truyền đến 100% thôn trên địa bàn xã, phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương. UBND xã đã xây dựng quy chế quản lý, khai thác, vận hành hoạt động của đài truyền thanh xã thực hiện đúng với các quy định của Thành phố.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:

Hiện tại, số lao động trong độ tuổi lao động là 8.761 người, số lao động trong độ tuổi có sử dụng điện thoại thông minh là 7885 người, đạt 90%.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông:

Dịch vụ báo chí truyền thông, trên địa bàn xã có 03 cửa hàng văn phòng phẩm, đây là nơi cung cấp sách, đồ dùng học tập, kinh doanh truyền và các loại văn phòng phẩm khác phục vụ nhân dân.

8.4. *Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới:*

Ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh trong quản lý, điều hành là một nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước, các máy tính tại UBND xã đều được kết nối mạng internet băng rộng (mạng WAN của thành phố), 100% cán bộ, công chức sử dụng các loại phần mềm ứng dụng, hòm thư công vụ để trao đổi thông tin kịp thời, đáp ứng yêu cầu công việc. UBND xã đang tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành hoạt động để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao. Dịch vụ công mức độ 3, 4 của UBND thành phố triển khai với các thủ tục hành chính được UBND xã thực hiện đảm bảo 100%, tỷ lệ hồ sơ giao dịch dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 100%.

8.5. *Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...):*

Dịch vụ viễn thông, internet kết nối đến 8/8 thôn trên địa bàn xã đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ thông tin và truyền thông ban hành, mạng cáp quang được triển khai lắp đặt, điện thoại di động được sử dụng phổ biến với việc kết nối mạng 3G, 4G. Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa các thôn, các điểm vui chơi công cộng đều được kết nối internet miễn phí.

*c) Đánh giá:* Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 5/5 điểm.

#### 4.9. Tiêu chí 9- Nhà ở dân cư

*a) Yêu cầu tiêu chí:* Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: 100%

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:* Trong những năm qua kinh tế ngày càng phát triển, hiện toàn xã có 100% các hộ dân trong xã đã xây dựng nhà kiên cố. Các công trình nhà ở đều đảm bảo quy hoạch, đảm bảo nền cứng, khung cứng, mái cứng, có đầy đủ công trình phụ trợ bếp, nhà vệ sinh đảm bảo sinh hoạt của hộ gia đình. Trên địa bàn xã không có nhà tạm, dột nát.

*c) Đánh giá:* Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 3/3 điểm.

#### 4.10. Tiêu chí 10- Thu nhập

*a) Yêu cầu tiêu chí:* Năm 2022 có mức thu nhập bình quân từ 64 triệu đồng/người/năm trở lên.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Năm 2021, thu nhập bình quân thu nhập đầu người của xã qua điều tra thống kê đạt 60,67 triệu đồng/người/năm.

Thực hiện Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố các chỉ tiêu về hợp tác xã và khu công nghiệp và ban hành quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chỉ đạo của UBND huyện tại văn bản số: 2349/UBND-KT ngày 21/10/2022 về việc điều tra thu thập và tính thu nhập bình quân đầu người đối với các xã thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. UBND xã hàng năm thành lập Tổ điều tra, xây dựng kế hoạch và tiến hành điều tra khảo sát mức sống dân cư theo hướng dẫn của Chi cục thống kê huyện Hoài Đức, với tỷ lệ hộ điều tra 30% số hộ trên địa bàn xã. Kết quả phân tích, suy rộng mẫu điều tra cho thấy: Thu nhập đầu người năm 2022 của xã đạt 67,34 triệu đồng/người/năm.

*c) Đánh giá:* Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 5/5 điểm.

#### **4.11. Tiêu chí 11-Nghèo đa chiều**

*a) Yêu cầu tiêu chí:* Xã có tỷ lệ nghèo đa chiều < 1%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Được sự quan tâm của các cấp các ngành, UBND xã đã có phương án tích cực hỗ trợ hộ nghèo với nhiều biện pháp tích cực hỗ trợ người nghèo như: Tặng xe đạp và nhiều phần quà khác cho học sinh nghèo vượt khó; xác nhận để hỗ trợ học phí học sinh, sinh viên; phối hợp tổ chức dạy nghề, tham gia phiên giao dịch tư vấn việc làm; phối hợp với các ban ngành đoàn thể cho vay vốn với lãi suất thấp để người nghèo đầu tư phát triển kinh tế. Ngoài ra hàng năm xã đều xây dựng kế hoạch giảm nghèo bằng các chương trình cụ thể như đề nghị Ngân hàng chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ xây sửa nhà.... Do đó từ tháng 5/2020 đến nay xã không còn hộ nghèo. Năm 2021, qua điều tra, rà soát toàn xã có 55 hộ cận nghèo và không còn hộ nghèo. Năm 2022 qua điều tra, rà soát toàn xã tiếp tục không có hộ nghèo, số hộ cận nghèo là 51 hộ giảm 8 hộ so với cùng kỳ.

*c) Đánh giá:* Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 5/5 điểm.

#### **4.12. Tiêu chí 12- Lao động**

*a) Yêu cầu tiêu chí*

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 85\%$ .

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 35\%$ .

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn, cụ thể: Nông, lâm nghiệp và thủy sản  $\leq 15,4\%$ ; Công nghiệp và xây dựng  $\geq 44,7\%$ ; Dịch vụ  $\geq 39,9\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 85\%$ .

Năm 2021, tổng số lao động trong độ tuổi (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là 8.607 người, trong đó: số lao động có khả năng lao động 8.435 người = 98%; số lao động có việc làm thường xuyên là 7.938 lao động = 92,2%.; số lao động qua đào tạo là 7.411 = 86,1%.

Theo số liệu điều tra cung cầu lao động do Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội và phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Hoài Đức triển khai năm 2022 cho thấy: Năm 2022, tổng số lao động trong độ tuổi (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là 8.761 người, trong đó: số lao động có khả năng lao động 8.574 người = 97,8%; số lao động có việc làm thường xuyên là 7.948 lao động = 93,1%; lao động qua đào tạo là 7.561 người = 86,3%.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 35\%$ :

Theo số liệu thống kê năm 2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ) là 2.638 người = 35,6%

Theo số liệu điều tra cung cầu lao động năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 2.752 người = 36,4%.

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn, cụ thể: Nông, lâm nghiệp và thủy sản  $\leq 15,4\%$ ; Công nghiệp và xây dựng  $\geq 44,7\%$ ; Dịch vụ  $\geq 39,9\%$ .

Để từng bước giảm dần tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, hàng năm UBND xã chủ động phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức các hội nghị tuyên truyền về chính sách đào tạo lao động và giải quyết việc làm cho lao động thông qua các đợt giao dịch việc làm do Thành phố, huyện triển khai các lớp đào tạo, truyền nghề, nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn. Là một địa phương có truyền thống hiếu học, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề hàng năm đạt 97%; hàng năm có trên 100 học sinh thi đỗ vào các trường Đại học, Cao Đẳng và Trung học chuyên nghiệp, năm 2022 có 118 học sinh thi đỗ vào Đại học. Lực lượng này sau khi tốt nghiệp ra trường đều chủ động tìm được việc làm phù hợp, có thu nhập cao. Có những cá nhân

khi tốt nghiệp Đại học đã thành lập công ty riêng góp phần giải quyết nhu cầu việc làm cho các lao động trong xã.

Hiện nay tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực của xã chuyên dịch cơ cấu đúng hướng, cụ thể: (1) Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp và Xây dựng chiếm 33,5%; (2) Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ chiếm 65,1%; (3) Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực Nông nghiệp chiếm 1,4%.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 4/4 điểm.

#### **4.13. Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí**

*1.3.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.*

*13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.*

*13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hoá các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.*

*13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.*

*13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.*

*13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.*

*13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

*13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường):*

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

*1.3.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.*

Xã Đức Thượng có 01 Hợp tác xã nông nghiệp và Dịch vụ được hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. HTX hiện có 1415 thành viên; hiện nay HTX đang đảm nhiệm các khâu dịch vụ thiết yếu phục vụ sản xuất của các thành viên HTX, trong đó có dịch vụ trồng trọt là dịch vụ chủ yếu.

*13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn:*

UBND xã đã chủ động tuyên truyền các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn lựa chọn những sản phẩm tiêu biểu tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Kết quả năm 2022 xã đã có 02 sản phẩm được thành phố đánh giá phân hạng, công nhận (01 sản phẩm đạt 4 sao và 01 sản phẩm đạt 3 sao).

*13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hoá các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm:*

Do xã Đức Thượng nằm trọn trong quy hoạch phân khu đô thị của Thành phố, do vậy không nằm trong vùng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

*13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:*

Các sản phẩm nông nghiệp của xã chủ lực là lúa do vậy không ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm.

*13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:*

Sản phẩm chủ lực của xã là lúa được bán qua kênh thương mại điện tử đạt 20%.

*13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:*

UBND xã đã lựa chọn 01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao với diện tích khoảng 20 ha lập hồ sơ đề nghị phòng Kinh tế và Trạm Trồng trọt và BVTV của huyện hướng dẫn trình tự, thủ tục, đề nghị Chi cục Trồng trọt và BVTV Thành phố xét cấp mã vùng trồng theo quy định.

*13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội:*

Xã không có điểm du lịch.

*13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường):*

Xã có mô hình trồng bưởi diển đem lại giá trị kinh tế, văn hóa, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 6/6 điểm.

#### **4.14. Tiêu chí 14 - Y tế**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí**

*14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$ .*



14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

Trạm y tế xã Đức Thượng đã được công nhận đạt chuẩn (theo chuẩn mới) giai đoạn 2011 -2020 (Quyết định công nhận số:7575/QĐ-UBND ngày 10/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội).

Hàng năm trạm y tế xã đã rà soát, bổ sung quy chế quản lý, sử dụng trang thiết bị, vật tư tiêu hao và xây dựng kế hoạch duy tu, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị khám chữa bệnh bảo đảm sử dụng hiệu phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân.

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$ :

Qua rà soát, tổng hợp số lượng người dân tham gia BHYT trên địa bàn xã đến tháng 10/2022 cho thấy: Tổng số người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn bằng 14.843/15.624 đạt 95%. Trong đó:

- Bảo hiểm tự nguyện: 5.348 người
- Hưu trí: 292 người
- Đối tượng CS, BTXH: 1.280 người
- Trẻ em dưới 6 tuổi: 1.710 người
- Học sinh, sinh viên: 2.817.000 người
- Cán bộ, công chức, người lao động; 3.396 người

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):

Hiện tại trên APP sổ sức khỏe điện tử chưa có cấu phần sổ khám chữa bệnh đầy đủ dữ liệu.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):

Năm 2021, 2022 do dịch Covid-19 trạm y tế xã đã thực hiện khám và tư vấn sức khỏe cho các trường hợp F0 điều trị tại nhà bằng hình thức khám chữa bệnh từ xa qua điện thoại.

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:

Chưa có phần mềm hồ sơ quản lý sức khỏe đảm bảo liên thông, thống nhất chung cho toàn quốc.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 4/4 điểm.

#### **4.15. Tiêu chí 15- Hành chính công**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí**

*15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.*

*15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (Dịch vụ công trực tuyến một phần) trở lên.*

*15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.*

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

*15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:*

UBND xã đã ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết, xử lý thủ tục hành chính theo đúng lộ trình chỉ đạo của UBND huyện. Hiện nay Ủy ban nhân dân xã sử dụng phần mềm dịch vụ công của UBND thành phố trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Cụ thể:

+ Có 28/28 bộ máy tính được kết nối mạng trong đó có 26 bộ máy tính phục vụ cho cán bộ công chức giải quyết công việc, 02 bộ máy tính phục vụ cho công dân thực hiện đăng ký dịch vụ công trực tuyến cũng như tra cứu thủ tục, tìm hiểu thông tin. Ngoài ra tại các bộ phận còn được trang bị đầy đủ máy in phục vụ công việc và công dân.

+ Có lắp camera tại phòng làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, theo dõi toàn bộ khu vực làm việc, kết nối với hệ thống Camera của lãnh đạo xã để kiểm tra.

+ Có 04 máy quét văn bản (scan) trong đó 02 máy quét 2 mặt, 02 máy quét 1 mặt phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu cơ quan.

Trong công tác giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo sớm hạn và đúng hạn, không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. 100% TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.

*15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (Dịch vụ công trực tuyến một phần) trở lên.*

Ủy ban nhân dân xã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả 100% thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Tuy nhiên, có một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết chưa tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Do hệ thống số hóa thông tin giải quyết TTHC của Thành phố chưa đi vào hoạt động. Tuy nhiên để thuận tiện trong việc tra cứu hồ sơ giải quyết THCH

của xã, UBND xã chỉ đạo cán bộ tiếp nhận và trả kết quả TTHC chủ động thực hiện số hóa từng phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC để tiện tra cứu, quản lý hồ sơ.

*15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.*

Trong năm 2021 và 10 tháng năm 2022, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của xã được giải quyết đúng hạn hoặc sớm trước hạn đạt 100% đối với hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã.

Năm 2022 Thành phố chưa triển khai đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp và người dân về giải quyết thủ tục hành chính; tuy nhiên UBND xã vẫn chủ động khảo sát; qua khảo sát sơ bộ cho thấy mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt cao. Trong 02 năm 2021, 2022 không có tình trạng khiếu nại trong tiếp nhận, giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa của xã.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 4/4 điểm.

#### **4.16. Tiêu chí 16-Tiếp cận pháp luật**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí**

*16.1. Có  $\geq 1$  mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.*

*16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành  $\geq 90\%$ .*

*16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu  $\geq 90\%$ .*

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

*16.1. Có  $\geq 1$  mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.*

Trên địa bàn xã hiện đang duy trì hoạt động 01 mô hình về phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải (tên mô hình: Tổ hòa giải điểm). Hàng năm UBND xã đã hỗ trợ kinh phí cho 100% tổ hòa giải của xã để triển khai hoạt động hòa giải. Năm 2021 tổ hòa giải thôn Thượng Thụy được công nhận tổ hòa giải “5 tốt”.

Trong hai năm 2021, 2022 phòng Tư pháp huyện đã tổ chức mở các lớp “Phổ biến giáo dục pháp luật” để nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác tư pháp, hòa giải ở cơ sở; UBND xã đã cử 20 lượt cán bộ tham dự.

*16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành  $\geq 90\%$ .*

Các trường hợp xảy ra tranh chấp trong hai năm 2021, 2022 tại xã Đức Thượng chủ yếu là tranh chấp đất đai; Do làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nên trên địa bàn xã ít phát sinh các mâu thuẫn trong dân cư. Hoạt động của Tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở được duy trì một cách thường xuyên, thống nhất, đồng bộ và hiệu quả, góp phần ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, các mâu thuẫn, xích mích, tranh chấp trong cộng đồng dân cư; hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp phát sinh, gìn giữ mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong gia đình, cộng đồng dân cư, góp phần đảm bảo an ninh trật tự và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Kết quả, năm 2021 thành 13/14 vụ, đạt 92,85%; Năm 2022 đã hòa giải thành 11/11 vụ, đạt tỷ lệ 100%.

*16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu  $\geq 90\%$ :*

Người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật thường xuyên tư vấn, trợ giúp pháp lý cho nhóm đối tượng đặc thù như: trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình hoặc những người yếu thế trong địa phương, tuyên truyền cho thanh, thiếu niên tại các thôn,...Do làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nên 10 tháng đầu năm 2022, UBND xã chưa nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý của công dân.

*c) **Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 3/3 điểm.*

#### **4.17. Tiêu chí 17- Môi trường**

##### *a) Yêu cầu tiêu chí*

*17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT*

*17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT đạt 100%.*

*17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom xử lý theo quy định  $\geq 98\%$ .*

*17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt  $\geq 50\%$ .*

*17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt  $\geq 50\%$ .*

*17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.*

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4m^2/\text{người}$ .

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  $\geq 90\%$ .

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT:

Xã Đức Thượng không có khu kinh doanh, dịch vụ, không có hoạt động chăn nuôi hoặc giết mổ gia súc, gia cầm, không có hoạt động nuôi trồng thủy sản.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:

Xã Đức Thượng không có làng nghề. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, UBND xã thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện thu gom, xử lý chất theo quy định.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom xử lý theo quy định  $\geq 98\%$ .

Hàng ngày HTX Thành Công tổ chức thu gom và vận chuyển rác về bãi xử lý của thành phố; Việc thu gom thực hiện 01 lần/ngày cho đến khi hết rác do vậy không có rác thải tồn đọng trong khu dân cư. Tỷ lệ thu gom rác thải đạt 100%.

UBND xã thường xuyên tổ chức các buổi ra quân tổng vệ sinh môi trường trong khu dân cư và ngoài khu vực đồng ruộng. Những buổi ra quân đều phối hợp trực tiếp với HTX Thành Công để rác thải đến đâu thì thu gom đến đó, không có tình trạng rác thải tồn đọng tại địa phương.

Thực hiện Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường 2020, Hội Liên hiệp phụ nữ của xã đã có hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn xây dựng mô hình phân loại rác thải tại nguồn. Đối với rác thải hữu cơ được HTX Thành Công tổ chức thu gom 01 lần/ngày

với khối lượng thu gom là trên 14 tấn, một phần nhỏ rác hữu cơ được hộ gia đình xử lý bằng các chế phẩm sinh học để làm phân bón cây. Đối với rác thải vô cơ (rác thải nhựa, sắt vụn) là đồ sinh hoạt của các hộ gia đình được hộ gia đình tự thu gom, phân loại, bán cho các cơ sở thu gom đồng nát.

Đối với phế thải xây dựng, các chủ công trình có trách nhiệm liên hệ với đơn vị thu gom, vận chuyển, đồng thời UBND xã có bố trí 01 khu vực lưu giữ tạm và tổ chức thu gom.

*17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt  $\geq 50\%$ .*

Hầu hết nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn, đạt 100%; đối với nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác được đi qua bể lắng trước khi thải ra cống thoát nước chung của thôn.

*17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt  $\geq 50\%$ .*

Việc phân loại rác sinh hoạt tại từng hộ gia đình hiện UBND xã đang triển khai đến các hộ dân trước tiên bằng phương pháp tuyên truyền để nhân dân hiểu và nhận thức rõ về sự cần thiết trong phân loại rác. Đặc biệt tháng 7/2022, xã Đức Thượng triển khai thí điểm “Mô hình nhà của pin” tại 6 điểm công cộng trên địa bàn thôn Nhuệ, từ ngày 8/7 đến ngày 20/7, chi đoàn Thanh niên thôn Nhuệ thu gom được 176 cục pin gồm các loại: pin con thỏ, pin AA, pin AAA, pin hyper C,D... Đến ngày 20/8 chi đoàn thanh niên thôn Nhuệ đã thu được tổng số 489 cục pin. Mô hình “Nhà của pin” tại cơ sở thôn Nhuệ đã được các kênh thông tin truyền thông quan tâm, đưa tin về ý tưởng, giải pháp bảo vệ môi trường như: Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội ngày 16/8, báo Lao Động ngày 19/8, Chuyên mục Cafe sáng kênh VTV3 ngày 20/8, Chuyên mục Chuyển động 24h kênh VTV1 ngày 26/8, Đài truyền hình Hà Nội chuyên mục Hà Nội 18:00 ngày 5/9, Chuyên mục Thời sự lúc 19h ngày 6/9 kênh VTV1. Sau khi các kênh thông tin đăng tải, xã Đức Thượng cũng đã nhận được nhiều sự quan tâm của các xã khác trong huyện và cũng đã chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong quá trình thực hiện.

Xét thấy việc triển khai mô hình “Nhà của pin” bước đầu có hiệu quả. Vì vậy, xã tiếp tục triển khai tới thôn Phú Đa trong tháng 8/2022 và sau đó lan rộng ra tất cả các thôn trong xã.

Các thôn đều có quy chế tổ chức vệ sinh môi trường nông thôn, có mô hình phân loại rác thải tại các hộ gia đình: 8/8 thôn đã xây dựng và được UBND xã phê duyệt quy chế giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện tổng vệ sinh môi trường trong khu dân cư vào thứ 7, chủ nhật hàng tuần.

*17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.*

Các nguồn phát thải chất thải rắn nguy hại trên địa bàn gồm: hoạt động sinh hoạt, sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân; hoạt động sản xuất nông nghiệp; hoạt động sản xuất công nghiệp; cơ sở khám chữa bệnh. Để thu gom triệt để rác thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động y tế, UBND xã đã chỉ đạo trạm y tế xã kiểm tra, thống kê số lượng cơ sở khám chữa bệnh có phát sinh rác thải y tế; đồng thời đề nghị Trung tâm Y tế huyện chỉ đạo đơn vị thu gom được giao nhiệm vụ tổ chức thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định..

Xã không có điểm tập kết rác thải tập trung. Bằng việc thực hiện phương án nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường trong khu dân cư, xã đã vận động được đông đảo người dân tham gia duy trì vệ sinh môi trường hàng tuần. Do vậy để đảm bảo không có rác tồn đọng UBND xã đã thống nhất với HTX Thành Công ngày, giờ thu gom rác và thông báo rộng rãi trên hệ thống truyền thanh của xã để nhân dân biết mang rác ra vị trí tập kết đúng quy định sau đó HTX Thành Công vận chuyển đến nơi xử lý tập trung của Thành phố.

Đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, chỉ đạo HTX dịch vụ nông nghiệp đặt các thùng chứa vỏ gói thuốc BVTV để thu gom bao gói, bao bì, vỏ chai, vỏ lọ thuốc bảo vệ thực vật... và phối hợp với HTX Thành Công xử lý theo quy định.

Đối với các hộ sản xuất đồ mộc, UBND xã triển khai ký cam kết thu gom mùn cưa, dăm bào, để bán cho các cơ sở trồng nấm, xử lý theo quy định, không xả ra môi trường.

*17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường*

Trên địa bàn xã diện tích trồng trọt hiện nay không nhiều, hầu hết là trồng lúa, rau màu ngắn ngày. UBND xã đã phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện triển khai mô hình xử lý rơm, rạ bằng chế phẩm sinh. Triển khai ký cam kết không đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp ngoài đồng.

Ngoài ra, phụ phẩm, chất thải chăn nuôi của các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn được các cơ sở xử lý bằng bể Biogas (tái chế thành gas dùng để phục vụ sinh hoạt) hoặc ủ làm phân bón cho cây trồng. Theo thống kê có 85% chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế

thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường, số còn lại được HTX Thành Công thu gom vào bãi rác thải tập trung.

*17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường*

Trên địa bàn xã có 148 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư không thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường. Các hộ gia đình đều có cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường. Hầu hết các hộ đều sử dụng chế phẩm sinh học, bể biogas và hố ga lắng trước thải sau bể biogas trước khi thải vào môi trường để xử lý mùi, vệ sinh chuồng trại đảm bảo phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh. Chất thải chăn nuôi của các hộ còn lại được thu gom và xử lý ủ, bón lót tại đồng ruộng của gia đình.

*17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch*

Trên địa bàn xã có 01 nghĩa trang liệt sỹ liên xã, có người trông coi và quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định. Hàng năm có kế hoạch duy tu, bảo trì đảm bảo yêu cầu.

Ngoài nghĩa trang liệt sỹ, trên địa bàn xã có 07 nghĩa trang nhân dân và không có cơ sở hỏa táng. UBND xã đã và đang đề nghị UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư nâng cấp, cải tạo, đầu tư hệ thống thoát nước và trồng cây xanh cách ly đối với các nghĩa trang nhân dân đảm bảo theo quy hoạch chung của xã.

*17.10. Tỷ lệ sử dụng hỏa táng.*

Thực hiện tang văn minh, xã đã chỉ đạo các thôn thường xuyên vận động, tuyên truyền nhân dân về hình thức hỏa táng, thông qua tuyên truyền đã đạt được hiệu quả. Cụ thể: Năm 2021, có 48/56 = 85,7% trường hợp người quá cố được đưa đi hỏa táng. 10 tháng đầu năm 2022 có 46/53 trường hợp người quá cố thực hiện hỏa táng đạt 86,79%.

*17.11. Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:*

Tổng diện tích cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn là tổng diện tích các khu vườn hoa và cây xanh tại các điểm sinh hoạt cộng đồng. Xã Đức Thượng đang đề xuất triển khai xây dựng khu vườn hoa, cây xanh tại thôn Chiền để phục vụ nhân dân. Hiện nay theo thống kê, toàn xã có diện tích đất cây xanh/đầu người đã đảm bảo đạt tiêu chí Phường.



*17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.*

Thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng môi trường huyện Hoài Đức, giai đoạn 2021-2025”, UBND xã đã tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thực hiện phân loại rác, đối với rác thải tái chế (đồ nhựa, túi nilong, bìa carton...) đều được 100% hộ gia đình thực hiện phân loại và bán cho người mua phế liệu.

UBND xã đã triển khai các hội nghị tọa đàm và tuyên truyền pháp luật đến các hộ gia đình về việc sử dụng chất thải nhựa và tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định để nhân dân cùng nắm được và triển khai thực hiện.

Song song với mô hình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, UBND xã đã từng bước thay đổi nhận thức nhân dân đối với các sản phẩm từ nhựa. Trước tiên là hạn chế việc sử dụng đồ nhựa sau là xử lý, tái chế sau sử dụng. Nhiều hộ gia đình đã tận dụng tái chế vỏ chai nhựa, lốp xe thành chậu hoa...

Diễn hình trong các khu vực trường học luôn được các cô giáo đưa vào trong hoạt động phòng trào, thi đua của nhà trường, hướng học sinh và cha mẹ học sinh trong việc sử dụng đồ nhựa, từ đó nhân rộng ra. Đây cũng là một trong những giải pháp của xã thực hiện đối với phân loại rác thải và tái chế sử dụng rác thải không chỉ từ các sản phẩm đồ nhựa.

*c) **Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 12/12 điểm.*

#### **4.18. Tiêu chí 18-Chất lượng môi trường sống**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí:**

*18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.*

*18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.*

*18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.*

*18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm*

*18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi an toàn thực phẩm.*

*18.6. Tỷ lệ cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.*

*18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.*

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:

Trên địa bàn xã hiện nay có 4.025/4.625 hộ dân sử dụng nước sạch tập trung, đạt tỷ lệ 100%. Ngoài ra một số hộ có điều kiện kinh tế còn lắp đặt thêm máy lọc nước để phục vụ nấu ăn hàng ngày.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm:

Việc cấp nước thực hiện theo nhu cầu sử dụng và khả năng kinh tế của nhân dân; Công ty nước sạch Tây Hà Nội không khống chế lượng nước sử dụng (Cấp theo nhu cầu).

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững:

Trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm:

Hàng năm phòng Kinh tế, phòng Y tế, Trung tâm Y tế, trạm Trồng trọt và BVTV, Trạm Chăn nuôi và Thú y đều mở các lớp tập huấn tuyên truyền về ATTP cho các hộ sản xuất trên địa bàn xã. Theo thống kê 100% các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi an toàn thực phẩm:

Năm 2021, và 10 tháng đầu năm 2022. trên địa bàn xã không có sự cố nào xảy ra về an toàn thực phẩm.

18.6. Tỷ lệ cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm:

Qua thống kê trên địa bàn xã hiện nay không có cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản nào thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đảm bảo ATTP theo quy định.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch:

Qua thống kê cho thấy 100% các hộ trên địa bàn xã có nhà tắm, nhà tiêu được xây dựng khép kín, có tường bao, mái che. Các thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh được trữ trong bể bê tông, bồn bằng inox, có nắp đậy.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường:

Hiện nay trên địa bàn xã chỉ có bãi trung chuyển rác thải, rác thải sau khi tập kết được HTX Thành Công vận chuyển đến nơi xử lý chung của Thành phố trong ngày đạt tỷ lệ 98%.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 8/8 điểm.

#### **4.19. Tiêu chí 19- Quốc phòng, An ninh**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí**

19.1. *Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.*

19.2. *Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; không có điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Năm trước năm xét, đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã đạt “xuất sắc”; Công an xã đạt “Đơn vị quyết thắng”. Công an xã có trụ sở riêng hoặc đang được khởi công xây dựng*

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

19.1. *Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân*

Hàng năm Đảng ủy ban hành Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo về nhiệm vụ Quân sự, Quốc phòng địa phương, nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và huy động LL DBĐV; UBND xã có kế hoạch chỉ đạo, Hội đồng NVQS, Hội đồng giáo dục QP&AN được kiện toàn, duy trì hoạt động nề nếp, có chất lượng, hiệu quả. Thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự, đăng ký dân quân, quản lý quân nhân dự bị có nề nếp, đảm bảo số lượng và chất lượng; hằng năm xã đều hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và huy động huấn luyện dự bị động viên. Công tác phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân và các tổ chức được quan tâm; Xây dựng hệ thống kế hoạch chiến đấu phòng thủ, huy động lực lượng dân quân, lực lượng xung kích tham gia ứng trực sẵn sàng chiến đấu, khắc phục hậu quả thiên tai, tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ xã đạt chất lượng, hiệu quả và an toàn tuyệt đối; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ theo

quy định Luật dân quân tự vệ, và quy định của Thành phố. Thực hiện báo cáo thường xuyên, đột xuất kịp thời, đúng quy định.

Ban chỉ huy quân sự xã thường xuyên bồi dưỡng, phát triển Đảng viên trong lực lượng dân quân. Đến nay, tỷ lệ Đảng viên là 18/12 người chiếm 12%

Trụ sở Ban chỉ huy quân sự đang đề xuất Huyện xin vị trí để xây dựng.

Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm về quốc phòng theo quy định tại điều 15 Luật Quốc phòng năm 2018 và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính Phủ.

Thường xuyên quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ Quốc phòng, quân sự địa phương, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt công tác Thi đua khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên.

Hoàn thành các chỉ tiêu theo Chương trình số 09-CT/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội và các nhiệm vụ cấp trên giao cụ thể: Trục SSCĐ bảo vệ Tết Nguyên đán Nhâm Dần; Ngày Quốc tế lao động và Giải phóng Miền Nam (30/4-01/5); Quốc khánh mừng 2/9. Tổ chức gặp mặt động viên, tặng quà thanh niên lên đường nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu (trong đó thực hiện NVQS 6 công dân và NVCAND 01 công dân). Tham gia Lễ ra quân huấn luyện năm 2022; cử 22 đồng chí tham gia tập huấn cán bộ Ban CHQS. Luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ lần 1 năm 2022. Đăng ký DQTV, PTKT, Nữ có chuyên môn kỹ thuật, QNDB năm 2022. Cử 13 đồng chí tham gia huấn luyện Trung đội pháo binh. Tổ chức kết nạp và công nhận 28 công dân hoàn thành nghĩa vụ dân quân. Tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức QPAN cho 100 đồng chí. Xây dựng các giáo án huấn luyện năm 2022; triển khai huấn luyện dân quân năm thứ nhất cho 28 đồng chí, huấn luyện dân quân thông tin, trinh sát, công binh, hóa học cho 36 đồng chí. Cử 19 đồng chí tham gia huấn luyện D1 BĐDP huyện. Ứng trực công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn.

*19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; không có điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Năm trước năm xét, đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã đạt “xuất*

sắc”; Công an xã đạt “Đơn vị quyết thắng”. Công an xã có trụ sở riêng hoặc đang được khởi công xây dựng.

Hàng năm, Đảng ủy ban hành Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự, thường xuyên tổ chức tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động, chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân và các hoạt động tuyên truyền trái pháp luật, tình hình an ninh chính trị được giữ vững. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được đẩy mạnh và kiềm chế việc gia tăng tội phạm, không để xảy ra các tụ điểm phức tạp về hình sự và tệ nạn xã hội. Không xảy ra cháy nổ, tai nạn giao thông nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn.

Trong 10 tháng đầu năm, trên địa bàn xảy ra 01 vụ trộm cắp tài sản, 03 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ hủy hoại tài sản, 01 vụ lạm dụng chiếm đoạt tài sản, 03 vụ ma túy. Tham mưu UBND xã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 2 vụ 2 đối tượng vi phạm trong lĩnh vực kinh tế thu nộp ngân sách 1.500.000 đồng; 9 vụ 9 đối tượng trong lĩnh vực môi trường thu nộp ngân sách 6.750.000 đồng; đưa 02 đối tượng đi cai nghiện bắt buộc. Đến nay, trên địa bàn xã không có điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội.

UBND xã Đức Thượng xây dựng và triển khai Kế hoạch về việc xây dựng mô hình lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh phục vụ công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn xã Đức Thượng. Kế hoạch về hoạt động của mô hình “Camera giám sát an ninh” trên địa bàn xã Đức Thượng

Trụ sở Ban công an đang được triển khai thực hiện, dự kiến được bàn giao vào cuối năm 2022.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**. Điểm đánh giá 6/6 điểm.

## **5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao**

Trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, xã Đức Thượng hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, cân đối nguồn vốn và các điều kiện để thực hiện, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Đạt yêu cầu so với quy định.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã **Đức Thượng** đã được UBND huyện Hoài Đức thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là 18/19 tiêu chí đạt, 01 tiêu chí cơ bản đạt; Đạt điểm **98** điểm và không có tiêu chí bị điểm 0.

### **3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.**

Trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, xã Đức Thượng hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, cân đối nguồn vốn và các điều kiện để thực hiện, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

### **III. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã **Đức Thượng**. UBND huyện Hoài Đức đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới Hà Nội tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định Thành phố Hà Nội thẩm định kết quả thực hiện làm cơ sở trình UBND Thành phố xét, công nhận xã **Đức Thượng** đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022./.

#### ***Nơi nhận:***

- BCĐ Chương trình 04-CTr/TU Thành ủy;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và PTNT HN;
- VPĐPNTM Thành phố Hà Nội;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCĐ XDNTM huyện;
- UBMTTQ và các đoàn thể huyện;
- UBND các xã;
- VPĐPNTM huyện;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Thuận**